| | |
|---|---|
| SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK<br>**TTYT SÔNG CẦU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
| Số: 63A /QĐ-TTYT | *Sông Cầu, ngày 09 tháng 4 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của Trung tâm Y tế Sông Cầu**

## GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ SÔNG CẦU

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán Ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông báo số 126/TB-SYT ngày 31/3/2026 của Sở Y tế Phú Yên về Xét duyệt/ thẩm định quyết toán ngân sách năm 2025 Đơn vị được thông báo: Trung tâm Y tế Sông Cầu;*

*Xét đề nghị của Phòng Tài chính – Kế toán,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán toán ngân sách năm 2025 của TTYT Sông Cầu (theo biểu số 76 đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính và Trưởng các khoa, Phòng thuộc Trung tâm Y tế Sông Cầu tổ chức thực hiện Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Sở Y tế Phú Yên (b/c);
- Như điều 3;
- Lưu VT; TC-KT.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ SÔNG CẦU

BSCKI. Nguyễn Chí Cường

*Biểu số 76 - Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính*

**Đơn vị: TTYT THỊ XÃ SÔNG CẦU**

**Chương: 423**

# QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

*(Kèm theo Quyết định số 634 /QĐ-TTYT ngày 09 /4/ 2026 của TTYT Sông Cầu )*

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

*ĐV tính: Triệu đồng*

| Số TT | Nội dung | Tổng số liệu báo cáo quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch | Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4-3 | 6 |
| **A** | **Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | | | | |
| **I** | **Số thu phí, lệ phí** | ***12,600*** | ***12,600*** | *0* | |
| 1 | Lệ phí | | | *0* | |
| 2 | Phí | 12,600 | 12,600 | *0* | |
| | Phí trong công tác ATVSTP | *12,600* | *12,600* | *0* | |
| **II** | **Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại** | **8,820** | **8,820** | *0* | |
| ***1*** | ***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình*** | *8,820* | *8,820* | *0* | |
| a | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | *0* | |
| b | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | *8,820* | 8,820 | *0* | |
| ***2*** | ***Chi quản lý hành chính*** | - | - | *0* | |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | | *0* | |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | *0* | |
| **III** | **Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước** | **3,780** | **3,780** | ***0*** | |
| 1 | Lệ phí | | | 0 | |
| *2* | Phí | *3,780* | *3,780* | *0* | |
| | Phí trong công tác ATVSTP | *3,780* | 3,780 | *0* | |
| **B** | **Quyết toán chi ngân sách nhà nước** | **35.722,044** | **35.722,044** | *0* | |
| **I** | **Nguồn ngân sách trong nước** | **35.722,044** | **35.722,044** | **0,00** | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | *0* | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | | | *0* | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | **1.500,180** | **1.500,180** | *0* | |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | *0* | |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 1.500,180 | 1.500,180 | *0* | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | **34.221,864** | **34.221,864** | *0* | |
| 4.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 12.219,661 | 12.219,661 | 0 | |
| 4.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 22.002,203 | 22.002,203 | 0 | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | - | - | *0* | |
| 5.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | *0* | |
| 5.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |

*Sông Cầu, ngày 09 tháng 4 năm 2026*

**Thủ trưởng đơn vị**

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ SÔNG CẦU

BSCKI. Nguyễn Chí Cường